Số: 708/TB-UBND; 17-11-2026; 14:45:24 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG GIA VIÊN

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ CÔNG, THÂN NHÂN NGƯỜI CÓ CÔNG HƯỞNG CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP HÀNG THÁNG NĂM 2026 (TÍNH ĐẾN 15/10/2026)

(Kèm theo Thông báo số 708/TB-UBND ngày 22/10/2026 của UBND phường)

(Đơn

STT	Đối tượng thụ hưởng	Đối tượng	Số tiền hưởng
1	Đào Văn Ánh	Thương binh 21%	1.878.000
2	Trần Văn Bình	Thương binh 21%	1.878.000
3	Vũ Văn Khiệu	Thương binh 21%	1.878.000
4	Hà Bình Thuận	Thương binh 21%	1.878.000
5	Cao Văn Bây	Thương binh 21%	1.878.000
6	Nguyễn Văn Quy	Thương binh 21%	1.878.000
7	Nguyễn Trịnh Tuấn	Thương binh 21%	1.878.000
8	Chu Quốc Thắng	Thương binh 21%	1.878.000
9	Trần Phúc Oánh	Thương binh 23%	2.053.000
10	Trương Ngọc Liên	Thương binh 25%	2.236.000
11	Nguyễn Đình Đông	Thương binh 31%	2.770.000
12	Nguyễn Viết Khởi	Thương binh 31%	2.770.000
13	Nguyễn Cao Tân	Thương binh 31%	2.770.000
14	Đặng Trọng Hảo	Thương binh 31%	2.770.000
15	Lê Hồng Quân	Thương binh 31%	2.770.000
16	Tô Quang Đại	Thương binh 35%	3.132.000
17	Nguyễn Đức Thiện	Thương binh 35%	3.132.000
18	Phạm An Hải	Thương binh 37%	3.304.000
19	Đàm Văn Thành	Thương binh 41%	3.667.000
20	Phùng Văn Cử	Thương binh 41%	3.667.000
21	Phan Văn Thảo	Thương binh 41%	3.667.000

22	Nguyễn Văn Đồng	Thương binh 41%	3.667.000
23	Trương Thế Cường	Thương binh 45%	4.024.000
24	Trần Văn Tư	Thương binh 61%	5.450.000
25	Trần Trọng Mừng	Thương binh 61%	5.450.000
26	Nguyễn Văn Ngưu	Thương binh 61%	5.450.000
27	Nguyễn Văn Cờ	Thương binh 70%	6.257.000
28	Trần Quốc Hùng	Thương binh 81% (ĐB)	13.689.000
29	Lê Quang Vinh	Thương binh 22%	1.626.000
30	Đoàn Trường Sơn	Thương binh B 47%	3.444.000
31	Trương Ngọc Liên	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
32	Nguyễn Đình Nhuần	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
33	Bùi Văn Lực	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
34	Vũ Mạnh Kiểu	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
35	Trịnh Xuân Hùng	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
36	Nguyễn Ánh Tuyết	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
37	Nguyễn Trịnh Tuấn	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
38	Đàm Văn Thành	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
39	Nguyễn Văn Cờ	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH từ 81% trở lên	10.546.000
40	Vũ Thị Hường	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
41	Nguyễn Văn Bắc	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
42	Nguyễn Thị Hiền	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
43	Lã Thị Nghĩa	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
44	Vũ Thị Sỉn	Tuất Quân nhân	1.565.000
45	Trần Thị Nguyệt	Tuất Tiền khởi nghĩa	1.565.000
46	Vũ Thị Bấc	Tuất Bệnh binh	1.565.000
47	Phùng Thị Hường	Tuất Chất độc hóa học	1.565.000

48	Trần Thị Cải	Mẹ Việt Nam Anh hùng	13.493.000
49	Nguyễn Anh Xuất	Thương binh 21%	1.878.000
50	Đào Việt Hùng	Thương binh 21%	1.878.000
51	Phạm Đăng Trọng	Thương binh 21%	1.878.000
52	Trần Văn Duyệt	Thương binh 21%	1.878.000
53	Trần Đức Thuận	Thương binh 21%	1.878.000
54	Trần Văn Trường	Thương binh 21%	1.878.000
55	Phan Văn Thắng	Thương binh 21%	1.878.000
56	Bùi Văn Đích	Thương binh 21%	1.878.000
57	Trần Đức Tường	Thương binh 21%	1.878.000
58	Đinh Ngọc Trinh	Thương binh 21%	1.878.000
59	Vũ Bá Xứng	Thương binh 21%	1.878.000
60	Trần Văn Nghĩa	Thương binh 21%	1.878.000
61	Trần Thị Thoa	Thương binh 21%	1.878.000
62	Nguyễn Văn Cường	Thương binh 21%	1.878.000
63	Bùi Hải Nam	Thương binh 21%	1.878.000
64	Phạm Khắc Dậu	Thương binh 21%	1.878.000
65	Trần Viết Tiến	Thương binh 22%	1.969.000
66	Nguyễn Xuân Thái	Thương binh 22%	1.969.000
67	Nguyễn Quang Cường	Thương binh 22%	1.969.000
68	Phạm Xuân Trường	Thương binh 23%	2.053.000
69	Đinh Triệu Long	Thương binh 23%	2.053.000
70	Phạm Văn Bị	Thương binh 23%	2.053.000
71	Nguyễn Thị Sẻ	Thương binh 23%	2.053.000
72	Nguyễn Phú Thiệp	Thương binh 23%	2.053.000
73	Vũ Văn Tuyền	Thương binh 24%	2.144.000

74	Phạm Thị Mùi	Thương binh 25%	2.236.000
75	Trần Phương Cân	Thương binh 25%	2.236.000
76	Hà Ngọc Lân	Thương binh 25%	2.236.000
77	Nguyễn Văn Đĩnh	Thương binh 25%	2.236.000
78	Đào Lê Thiện	Thương binh 25%	2.236.000
79	Nguyễn Vượng	Thương binh 26%	2.323.000
80	Hoàng Minh Chính	Thương binh 26%	2.323.000
81	Nguyễn Thị Diệp	Thương binh 27%	2.411.000
82	Nguyễn Văn Tân	Thương binh 31%	2.770.000
83	Trần Viết Sinh	Thương binh 31%	2.770.000
84	Nguyễn Vĩnh Sơn	Thương binh 31%	2.770.000
85	Hoàng Văn Mạnh	Thương binh 31%	2.770.000
86	Lý Thế Vân	Thương binh 31%	2.770.000
87	Trần Viết Chiến	Thương binh 31%	2.770.000
88	Nguyễn Trọng Hợp	Thương binh 32%	2.862.000
89	Nguyễn Văn Minh	Thương binh 32%	2.862.000
90	Đặng Văn Tới	Thương binh 32%	2.862.000
91	Nguyễn Danh Huỳnh	Thương binh 32%	2.862.000
92	Trần Xuân Đáp	Thương binh 32%	2.862.000
93	Bùi Đức Đợt	Thương binh 32%	2.862.000
94	Trần Đức Thực	Thương binh 33%	2.950.000
95	Lê Duy Lập	Thương binh 35%	3.132.000
96	Lục Đình Luân	Thương binh 35%	3.132.000
97	Lê Công Thứ	Thương binh 36%	3.217.000
98	Trương Hữu Quát	Thương binh 41%	3.667.000
99	Trịnh Viết Toại	Thương binh 41%	3.667.000

100	Trần Quang Thuỷ	Thương binh 41%	3.667.000
101	Lê Văn Liên	Thương binh 41%	3.667.000
102	Nguyễn Huy Tố	Thương binh 41%	3.667.000
103	Ngô Quốc Oai	Thương binh 41%	3.667.000
104	Trần Văn Thư	Thương binh 44%	3.934.000
105	Lê Xuân Đăng	Thương binh 45%	4.024.000
106	Trần Đức Mạc	Thương binh 45%	4.024.000
107	Lê Viết Kỷ	Thương binh 45%	4.024.000
108	Đoàn Thế Hùng	Thương binh 61%	5.450.000
109	Nguyễn Văn Khuya	Thương binh 61%	5.450.000
110	Trần Phương Hùng	Thương binh 61%	5.450.000
111	Trần Doãn Kỳ	Thương binh 61%	5.450.000
112	Nguyễn Xuân Thuỷ	Thương binh 61%	5.450.000
113	Đặng Thế Lưỡng	Thương binh 61%	5.450.000
114	Trần Thế Thái	Thương binh 61%	5.450.000
115	Nguyễn Văn Sơn	Thương binh 61%	5.450.000
116	Vũ Văn Thành	Thương binh 71%	6.343.000
117	Phạm Văn Mạnh	Thương binh B 61%	4.543.000
118	Trần Bùi Thái	Bệnh binh 41%	2.911.000
119	Hoàng Khắc Bút	Bệnh binh 61%	4.622.000
120	Trần Viết Lợi	Bệnh binh 61%	4.622.000
121	Phạm Đức Thắng	Bệnh binh 73%	5.329.000
122	Nguyễn Văn Minh	Thương binh B 21%	1.552.000
123	Nguyễn Văn Hùng	Quân nhân tham gia kháng chiến theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của TTCP	2.868.000

124	Lê Viết Kỷ	Quân nhân tham gia kháng chiến theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của TTCP	2.868.000
125	Nguyễn Văn Tuấn	Đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ	2.628.000
126	Vũ Văn Trọng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH từ 81% trở lên	10.546.000
127	Nguyễn Đình Tăng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
128	Trần Thị Oanh	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	2.789.000
129	Trần Đức Tiến	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
130	Trần Thị Khánh	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
131	Đào Trọng Hạnh	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
132	Hoàng Đình Cường	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
133	Nguyễn Huy Tố	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
134	Nguyễn Việt Phương	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
135	Trần Minh Tuấn	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
136	Trần Đức Thuận	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
137	Trần Ngôn Quyết	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
138	Trần Văn Ry	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
139	Nguyễn Ngọc Hưng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
140	Trần Hữu Lương	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
141	Trần Thiện Lưu	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
142	Trần Văn Duyệt	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
143	Lê Viết Kỷ	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
144	Nguyễn Danh Dũng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
145	Đào Trọng Hùng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
146	Hoàng Đình Dũng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 61% - 80%	4.964.000
147	Trần Thị Thanh Hằng	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
148	Phạm Văn Bị	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000

149	Đặng Thế Lưỡng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
150	Vũ Văn Hướng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 61% - 80%	4.964.000
151	Vũ Thị Lệ Huyền	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
152	Lục Đình Luân	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
153	Lục Thị Thanh Thảo	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
154	Phạm Văn Mạnh	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
155	Trần Thị Minh Huyền	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	2.789.000
156	Trần Văn Nghĩa	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
157	Trần Văn Duy	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
158	Ngô Quốc Oai	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
159	Đào Việt Hùng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
160	Nguyễn Trọng Hợp	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
161	Bùi Văn Xuất	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
162	Đinh Thị Trang Nhung	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	2.789.000
163	Nguyễn Xuân Thái	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
164	Lương Văn Việt	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
165	Đỗ Đắc Thục	Người HĐKC bị địch bắt tù đày	1.673.000
166	Bùi Thị Phận	Người HĐKC bị địch bắt tù đày	1.673.000
167	Vũ Văn Thành	Người HĐKC bị địch bắt tù đày	1.673.000
168	Nguyễn Thị Quý	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
169	Mạc Thị Táu	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
170	Nguyễn Thị Chung	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
171	Nguyễn Thị Đạo	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
172	Phạm Thị Dinh	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
173	Lê Khắc Xích	Tuất 2 liệt sĩ	5.578.000
174	Đặng Thị Liên	Tuất Liệt sĩ	2.789.000

175	Bùi Thị Vui	Tuất Quân nhân	1.565.000
176	Nguyễn Thị Nghì	Tuất Quân nhân	1.565.000
177	Bùi Thị Bảo	Tuất Quân nhân	1.565.000
178	Ngô Thị Nguyên	Tuất Quân nhân	1.565.000
179	Đặng Thị Tuệ	Tuất Quân nhân	1.565.000
180	Đào Kim Hằng	Tuất Quân nhân	1.565.000
181	Vũ Thị Bình	Tuất Quân nhân	1.565.000
182	Đinh Thị Kim Vinh	Tuất Quân nhân	1.565.000
183	Phạm Thị Ngẫn	Tuất Quân nhân	1.565.000
184	Đoàn Thị Mai	Tuất Chất độc hóa học	1.565.000
185	Nguyễn Văn Bôn	Anh hùng lao động	2.337.000
186	Trần Quang Vinh	Thương binh 21%	1.878.000
187	Nguyễn Minh Hoá	Thương binh 21%	1.878.000
188	Lê Quang Thuỷ	Thương binh 21%	1.878.000
189	Lê Minh Thiều	Thương binh 21%	1.878.000
190	Nguyễn Nhật Rừng	Thương binh 21%	1.878.000
191	Đoàn Ngọc Cường	Thương binh 21%	1.878.000
192	Phạm Anh Đề	Thương binh 21%	1.878.000
193	Bùi Thị Nguyện	Thương binh 21%	1.878.000
194	Ngô Trung Túc	Thương binh 21%	1.878.000
195	Nguyễn Văn Mùi	Thương binh 21%	1.878.000
196	Hoàng Văn Khải	Thương binh 21%	1.878.000
197	Đỗ Đức Trang	Thương binh 21%	1.878.000
198	Phạm Văn Móng	Thương binh 21%	1.878.000
199	Phạm Ngọc Anh	Thương binh 21%	1.878.000
200	Nguyễn Đức Vinh	Thương binh 21%	1.878.000

201	Nguyễn Minh An	Thương binh 21%	1.878.000
202	Vũ Văn Thành	Thương binh 21%	1.878.000
203	Trần Duy Phương	Thương binh 21%	1.878.000
204	Trịnh Đức Thông	Thương binh 21%	1.878.000
205	Tạ Nguyên Minh	Thương binh 21%	1.878.000
206	Nguyễn Quốc Tuấn	Thương binh 21%	1.878.000
207	Vũ Tô Hiệu	Thương binh 22%	1.969.000
208	Nguyễn Tiến Chi	Thương binh 22%	1.969.000
209	Đào Thị Tách	Thương binh 23%	2.053.000
210	Phạm Thị Phinh	Thương binh 23%	2.053.000
211	Thái Văn Hiệp	Thương binh 24%	2.144.000
212	Tô Hùng Tuấn	Thương binh 25%	2.236.000
213	Đoàn Minh Vượng	Thương binh 25%	2.236.000
214	Nguyễn Văn Thạch	Thương binh 25%	2.236.000
215	Nguyễn Đình Thường	Thương binh 25%	2.236.000
216	Chu Xuân Hải	Thương binh 25%	2.236.000
217	Nguyễn Ngọc Tân	Thương binh 25%	2.236.000
218	Nguyễn Đình Chương	Thương binh 25%	2.236.000
219	Trịnh Thị Xuân	Thương binh 27%	2.411.000
220	Nguyễn Đức Trang	Thương binh 31%	2.770.000
221	Nguyễn Đức Chi	Thương binh 31%	2.770.000
222	Trịnh Thị Bin	Thương binh 31%	2.770.000
223	Hoàng Tân Ban	Thương binh 32%	2.862.000
224	Bùi Tiến Sáu	Thương binh 35%	3.132.000
225	Trần Văn Quang	Thương binh 35%	3.132.000
226	Triệu Đình Thanh	Thương binh 36%	3.217.000

227	Bùi Thị Phòng	Thương binh 36%	3.217.000
228	Trần Chính Chung	Thương binh 36%	3.217.000
229	Trần Nhị	Thương binh 41%	3.667.000
230	Trần Quang Quý	Thương binh 41%	3.667.000
231	Đoàn Ngọc Chiến	Thương binh 41%	3.667.000
232	Vũ Trọng Phai	Thương binh 41%	3.667.000
233	Nguyễn Văn Đang	Thương binh 41%	3.667.000
234	Trần Đức Trọng	Thương binh 41%	3.667.000
235	Nguyễn Mạnh Thành	Thương binh 47%	4.200.000
236	Trần Ngọc Hải	Thương binh 55%	4.918.000
237	Nguyễn Văn Phòng	Thương binh 65%	5.809.000
238	Nguyễn Xuân Hoa	Thương binh 71%	6.343.000
239	Phạm Văn Sáu	Thương binh 71%	6.343.000
240	Đào Sênh	Thương binh 75%	6.708.000
241	Trần Thái Tưởng	Thương binh 81%	11.428.000
242	Lương Vinh Dũng	Thương binh 41%	3.015.000
243	Nguyễn Văn Hào	Thương binh B 25%	1.848.000
244	Đặng Huy Đồng	Thương binh 23%	1.695.000
245	Nguyễn Văn Hợp	Thương binh 21%	1.552.000
246	Lê Quang Sửu	Bệnh binh 61%	4.622.000
247	Nguyễn Quý Đạt	Bệnh binh 61%	4.622.000
248	Lê Thị Lộc	QĐ 142	2.868.000
249	Đỗ Thị Thoa	QĐ 142	2.868.000
250	Vũ Thị Liên	QĐ 142	2.628.000
251	Vũ Tuyết Anh	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	2.789.000
252	Vũ Tuấn Anh	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	2.789.000

253	Trần Ánh Tuyết	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
254	Đoàn Ngọc Thắng	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
255	Lê Thái Sơn	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
256	Trần Văn Quang	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
257	Bùi Tiến Sáu	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
258	Trần Ngọc Hải	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
259	Lê Quang Sửu	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
260	Nguyễn Nhật Núi	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
261	Nguyễn Văn Khanh	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
262	Bùi Đức Ngọc	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
263	Nguyễn Đình Chương	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
264	Nguyễn Thị Tài	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
265	Đoàn Ngọc Cường	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
266	Nguyễn Mạnh Thành	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
267	Lý Thế Thanh	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
268	Lý Quang Huy	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
269	Nguyễn Khắc Phòng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
270	Trịnh Đức Thông	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 61% - 80%	4.964.000
271	Trần Đức Mạnh	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
272	Đoàn Đức Thắng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
273	Nguyễn Quang Lăng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
274	Triệu Đình Thanh	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
275	Thái Văn Hiệp	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
276	Nguyễn Văn Nhữ	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
277	Nguyễn Thành Lượng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
278	Lê Văn Đũa	Người HĐKC bị địch bắt tù đày	1.673.000

279	Phạm Văn Hoè	Người HĐKC bị địch bắt tù đày	1.673.000
280	Lê Quang Thuỷ	Người HĐKC bị địch bắt tù đày	1.673.000
281	Nguyễn Thị Tẻ	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
282	Phạm Thị Quý	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
283	Phạm Thị Hến	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
284	Đặng Thị Mùi	Tuất Liệt sĩ tái giá	2.789.000
285	Nguyễn Thị Hương	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
286	Phạm Thị Kênh	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
287	Nguyễn Thị Hân	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
288	Đào Thị Thuận	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
289	Lê Thị Thuận	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
290	Vũ Thị Tường	Tuất Lão thành cách mạng	2.789.000
291	Đặng Thị Bích	Tuất Tiền khởi nghĩa	1.565.000
292	Vũ Thị Phương	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
293	Phạm Thị Phượng	Tuất Quân nhân	1.565.000
294	Nguyễn Thị Bòng	Tuất Bệnh binh	1.565.000
295	Đặng Thị Hồng Vân	Tuất Quân nhân	1.565.000
296	Ngô Thị Nghĩa	Tuất Quân nhân	1.565.000
297	Phạm Quang Phai	Thương binh 21%	1.878.000
298	Đoàn Thế Dân	Thương binh 21%	1.878.000
299	Hoàng Ngọc Bôi	Thương binh 21%	1.878.000
300	Đinh Kim Thoảng	Thương binh 21%	1.878.000
301	Bùi Thị Gái	Thương binh 21%	1.878.000
302	Nguyễn Nghĩa Phương	Thương binh 21%	1.878.000
303	Lê Thị Nhuận	Thương binh 22%	1.969.000
304	Ngô Thị Mai	Thương binh 22%	1.969.000

305	Bùi Văn Sửu	Thương binh 22%	1.969.000
306	Vũ Bá Lộc	Thương binh 23%	2.053.000
307	Lưu Xuân Nghinh	Thương binh 23%	2.053.000
308	Dương Thị Lan	Thương binh 23%	2.053.000
309	Đào Thị Đào	Thương binh 24%	2.144.000
310	Bùi Văn Thành	Thương binh 24%	2.144.000
311	Nguyễn Đăng Khanh	Thương binh 31%	2.770.000
312	Lại Đình Hùng	Thương binh 31%	2.770.000
313	Nguyễn Thanh Tùng	Thương binh 31%	2.770.000
314	Nguyễn Ngọc Hải	Thương binh 32%	2.862.000
315	Nguyễn Xuân Mai	Thương binh 35%	3.132.000
316	Lê Tiến Vượng	Thương binh 41%	3.667.000
317	Bùi Quang Thắng	Thương binh 41%	3.667.000
318	Đặng Văn Thơ	Thương binh 42%	3.753.000
319	Phan Công Văn	Thương binh 45%	4.024.000
320	Nguyễn Đức Quế	Thương binh 51%	4.561.000
321	Phạm Gia Hưng	Thương binh 51%	4.561.000
322	Phạm Nhật Thanh	Thương binh 51%	4.561.000
323	Nguyễn Danh Lãm	Thương binh 61%	5.450.000
324	Đoàn Thế Kiên	Thương binh 61%	5.450.000
325	Đinh Ngọc Sơn	Thương binh 61%	5.450.000
326	Đào Văn Ngọ	Thương binh 61%	5.450.000
327	Trần Hồng Quảng	Thương binh 81%	11.428.000
328	Trần Đăng Ninh	Thương binh 81%	11.428.000
329	Phạm Văn Thuận	Thương binh 81% (ĐB)	13.689.000
330	Nguyễn Đình Nhuận	Thương binh 21%	1.552.000

331	Nguyễn Đình Nhuận	Bệnh binh 41%	2.911.000
332	Nguyễn Văn Đức	Bệnh binh 61%	4.622.000
333	Trần Minh Hoạt	Bệnh binh 61%	4.622.000
334	Nguyễn Ngọc Đức	Quân nhân tham gia kháng chiến theo Quyết định số	2.988.000
335	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	2.789.000
336	Hoàng Văn Cẩn	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
337	Hoàng Bảo Học	con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
338	Trần Đình Thi	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
339	Phạm Thị Vĩnh	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
340	Phạm Văn Hưng	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	2.789.000
341	Đinh Văn Chung	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
342	Nguyễn Thanh Tùng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
343	Phạm Quang Quyền	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
344	Nguyễn Văn Mai	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
345	Lê Tiến Vượng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
346	Hoàng Ngọc Bôi	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
347	Đỗ Xuân Biên	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
348	Đào Trọng Ái	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
349	La Bính Văn	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
350	La Đức Bình	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
351	Lưu Xuân Nghinh	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
352	Đặng Văn Thơ	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
353	Lê Anh Tuấn	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
354	Vũ Văn Chỉnh	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
355	Đinh Kim Thoảng	Người HĐKC bị địch bắt tù đày	1.673.000
356	Phạm Văn Bính	Tuất Liệt sĩ	2.789.000

357	Trần Thị Nhàn	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
358	Đoàn Thị Thoa	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
359	Trần Thị Phan	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
360	Tô Thị Dự	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
361	Vũ Thị Minh	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
362	Lê Thị Quý	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
363	Phạm Thị Vác	Tuất Liệt sĩ tái giá	2.789.000
364	Nguyễn Thị Thảo	Tuất Tiền khởi nghĩa	1.565.000
365	Nguyễn Thị Thân	Tuất Tiền khởi nghĩa	1.565.000
366	Đặng Thị Xuân Dung	Tuất Quân nhân	1.565.000
367	Nguyễn Đức Hùng	Thương binh 21%	1.878.000
368	Bùi Trọng Khúc	Thương binh 21%	1.878.000
369	Vũ Hồng Khiêm	Thương binh 21%	1.878.000
370	Đoàn Văn Xuyên	Thương binh 21%	1.878.000
371	Nguyễn Văn Tuấn	Thương binh 21%	1.878.000
372	Ngô Thanh Sơn	Thương binh 21%	1.878.000
373	Vũ Văn Chiều	Thương binh 21%	1.878.000
374	Nguyễn Văn Xuân	Thương binh 21%	1.878.000
375	Trần Văn Thư	Thương binh 21%	1.878.000
376	Bùi Huy Hải	Thương binh 22%	1.969.000
377	Trần Ngôn Chính	Thương binh 22%	1.969.000
378	Đỗ Văn Đức	Thương binh 22%	1.969.000
379	Thiều Thị Cúc	Thương binh 23%	2.053.000
380	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thương binh 23%	2.053.000
381	Bùi Thanh Tùng	Thương binh 24%	2.144.000
382	Lê Thị Mỹ	Thương binh 24%	2.144.000

383	Nguyễn Văn Hữu	Thương binh 25%	2.236.000
384	Nguyễn Đức Thịnh	Thương binh 25%	2.236.000
385	Vũ T Hồng Lĩnh	Thương binh 25%	2.236.000
386	Phạm Duy Tân	Thương binh 25%	2.236.000
387	Nguyễn Văn Quý	Thương binh 28%	2.505.000
388	Phạm Văn Thăng	Thương binh 31%	2.770.000
389	Vũ Tiến Đức	Thương binh 31%	2.770.000
390	Nguyễn Quang Khi	Thương binh 31%	2.770.000
391	Đinh Công Tĩnh	Thương binh 31%	2.770.000
392	Đinh Văn Sanh	Thương binh 36%	3.217.000
393	Nguyễn Tài Cẩm	Thương binh 41%	3.667.000
394	Lê Quốc Tuấn	Thương binh 41%	3.667.000
395	Phạm Quốc Tuấn	Thương binh 41%	3.667.000
396	Vũ Hữu Ái	Thương binh 41%	3.667.000
397	Tô Đình Huynh	Thương binh 41%	3.667.000
398	Ngô Văn Chính	Thương binh 41%	3.667.000
399	Đỗ Huy Hải	Thương binh 44%	3.934.000
400	Bùi Công Đoàn	Thương binh 51%	4.561.000
401	Vũ Quốc Lập	Thương binh 51%	4.561.000
402	Nguyễn Viết Tường	Thương binh 61%	5.450.000
403	Phạm Thành Côi	Thương binh 61%	5.450.000
404	Phạm Văn Hán	Thương binh 61%	5.450.000
405	Đinh Hữu Thìn	Thương binh 61%	5.450.000
406	Cao Minh Tiến	Thương binh 61%	5.450.000
407	Lê Danh Đông	Thương binh 63%	5.629.000
408	Phạm Văn Hồng	Thương binh 71%	6.343.000

409	Đỗ Văn Đạt	Thương binh B 31%	2.280.000
410	Nguyễn Văn Phúc	Thương binh 21%	1.552.000
411	Nguyễn Đăng Lưu	Thương binh 21%	1.552.000
412	Phạm Ngọc Vũ Cường	Thương binh B 31%	2.280.000
413	Nguyễn Bá Năm	Bệnh binh 61%	4.622.000
414	Trần Trung Hải	Quân nhân tham gia kháng chiến theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của TTCP	2.628.000
415	Nguyễn Văn Thìn	Quân nhân tham gia kháng chiến theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của TTCP	2.746.000
416	Phạm Đức Duyên	CB, CS Công an ND tham gia kháng chiến hưởng chế độ theo	2.836.709
417	Phạm Duy Tân	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH từ 81% trở lên	10.546.000
418	Lê Tuấn Anh	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
419	Vũ Tiến Đức	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
420	Ngô Văn Chầm	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
421	Trần Văn Hoàn	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
422	Đỗ Đức Hưng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
423	Đỗ Minh Sử	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
424	Nguyễn Văn Sơ	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
425	Nguyễn Văn Phúc	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 61% - 80%	4.964.000
426	Tô Đình Huynh	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
427	Lê Tất Vinh	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
428	Nguyễn Khắc Điệp	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
429	Nguyễn Minh Mẫn	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
430	Nguyễn Thị Răm	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
431	Đinh Công Tĩnh	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
432	Đinh Hữu Thìn	Người HĐKC bị địch bắt tù đày	1.673.000

433	Nguyễn Văn Săng	Người HĐKC bị địch bắt tù đày	1.673.000
434	Nguyễn Long Phụng	Người HĐKC bị địch bắt tù đày	1.673.000
435	Nguyễn Văn Săng	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
436	Phạm Thị Hốt	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
437	Phạm Thị Bền	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
438	Nguyễn Thị Bới	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
439	Đỗ Thị Mơi	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
440	Đào Thị Kim Thanh	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
441	Hoàng Đức Tuấn	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
442	Nguyễn Thị Thuý	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
443	Trần Thị Tươi	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
444	Đỗ Thị Trang	Tuất Liệt sĩ tái giá	2.789.000
445	Nguyễn Thị Hưng	Tuất Liệt sĩ tái giá	2.789.000
446	Nguyễn Thị Tâm	Tuất Lão thành cách mạng	2.789.000
447	Lê Thị Hè	Tuất Tiền khởi nghĩa	1.565.000
448	Long Kết Phấn	Tuất Tiền khởi nghĩa	1.565.000
449	Nguyễn Huy Hoàng	Tuất Quân nhân	1.565.000
450	Nguyễn Thị Mai Son	Tuất Quân nhân	1.565.000
451	Đào Thị Chúc	Tuất Quân nhân	1.565.000
452	Ngô Thị Nhung	Tuất Quân nhân	1.565.000
453	Lê Thị Quang	Tuất Quân nhân	1.565.000
454	Nguyễn Thị Tĩnh	Tuất Quân nhân	1.565.000
455	Bùi Thị Lan	Tuất Quân nhân	1.565.000
456	Đinh Thị Tư	Tuất Tiền khởi nghĩa	1.565.000
457	Vũ Thị Phụng	Tuất Tiền khởi nghĩa	1.565.000
458	Phạm Thị Vinh Hương	Tuất Chất độc hóa học	1.565.000

459	Mạc Thanh Hồng	Tuất nuôi dưỡng	5.020.000
460	Lê Văn Kiền	Thương binh 21%	1.878.000
461	Phạm Hữu Giang	Thương binh 21%	1.878.000
462	Lương Ngọc Trọng	Thương binh 21%	1.878.000
463	Nguyễn Văn Phoi	Thương binh 21%	1.878.000
464	Vũ Văn Nam	Thương binh 21%	1.878.000
465	Đồng Xuân Tiềm	Thương binh 21%	1.878.000
466	Nguyễn Văn Nhiên	Thương binh 21%	1.878.000
467	Nguyễn Mạnh Hiền	Thương binh 21%	1.878.000
468	Nguyễn Thế Dân	Thương binh 21%	1.878.000
469	Nguyễn Bá Thiết	Thương binh 21%	1.878.000
470	Nguyễn Xuân Phú	Thương binh 21%	1.878.000
471	Nguyễn Công Đức	Thương binh 21%	1.878.000
472	Phạm Xuân Sinh	Thương binh 21%	1.878.000
473	Nguyễn Văn Đỗi	Thương binh 21%	1.878.000
474	Phạm Minh Tuấn	Thương binh 21%	1.878.000
475	Lê Văn Hoà	Thương binh 21%	1.878.000
476	Đoàn Minh Châu	Thương binh 21%	1.878.000
477	Đỗ Văn Nỏ	Thương binh 21%	1.878.000
478	Nguyễn Thị Hòa	Thương binh 22%	1.969.000
479	Phạm Thị Nhàn	Thương binh 22%	1.969.000
480	Nguyễn Văn Cẩn	Thương binh 22%	1.969.000
481	Ngô Duy Chuyến	Thương binh 22%	1.969.000
482	Phạm Đức Mây	Thương binh 22%	1.969.000
483	Phan Thị Nhì	Thương binh 22%	1.969.000
484	Nguyễn Duy Phóng	Thương binh 23%	2.053.000

485	Đỗ Thị Huệ	Thương binh 23%	2.053.000
486	Nguyễn Thị Bằng	Thương binh 23%	2.053.000
487	Nguyễn Mạnh Khiển	Thương binh 23%	2.053.000
488	Ngô Thị Đào	Thương binh 23%	2.053.000
489	Phạm Thị Díu	Thương binh 23%	2.053.000
490	Vũ Văn Hiệp	Thương binh 23%	2.053.000
491	Phạm Văn Ngãi	Thương binh 23%	2.053.000
492	Phạm Đức Sâm	Thương binh 24%	2.144.000
493	Ngô Văn Phấn	Thương binh 25%	2.236.000
494	Phạm Đức Lin	Thương binh 25%	2.236.000
495	Hà Duy An	Thương binh 25%	2.236.000
496	Đào Đình Quyết	Thương binh 25%	2.236.000
497	Nguyễn Chí Trung	Thương binh 25%	2.236.000
498	Nguyễn Huy Nhuần	Thương binh 25%	2.236.000
499	Nguyễn Ngọc Hoan	Thương binh 26%	2.323.000
500	Vũ Văn Muốn	Thương binh 26%	2.323.000
501	Cao Thị Chanh	Thương binh 27%	2.411.000
502	Nguyễn Văn Sung	Thương binh 27%	2.411.000
503	Phạm Ngọc Sơn	Thương binh 27%	2.411.000
504	Nguyễn Mạnh Chuyển	Thương binh 28%	2.505.000
505	Lê Vũ Dũng	Thương binh 28%	2.505.000
506	Phạm Văn Hùng	Thương binh 28%	2.505.000
507	Nguyễn Đình Hải	Thương binh 31%	2.770.000
508	Phạm Minh Mạng	Thương binh 31%	2.770.000
509	Vũ Xuân Hải	Thương binh 31%	2.770.000
510	Vũ Hùng	Thương binh 31%	2.770.000

511	Nguyễn Hải Âu	Thương binh 31%	2.770.000
512	Lưu Văn Côn	Thương binh 31%	2.770.000
513	Vũ Văn Vượng	Thương binh 31%	2.770.000
514	Đỗ Văn Bách	Thương binh 31%	2.770.000
515	Mai Đình Chinh	Thương binh 31%	2.770.000
516	Đỗ Văn Tuấn	Thương binh 31%	2.770.000
517	Phạm Văn Bằng	Thương binh 32%	2.862.000
518	Phan Văn Chính	Thương binh 32%	2.862.000
519	Vũ Hồng Xuân	Thương binh 32%	2.862.000
520	Trần Thị Nghìn	Thương binh 35%	3.132.000
521	Lê Văn Cơ	Thương binh 35%	3.132.000
522	Trần Quang Dũng	Thương binh 35%	3.132.000
523	Dương Đức Nhị	Thương binh 35%	3.132.000
524	Vũ Quang Mích	Thương binh 35%	3.132.000
525	Nguyễn Đình Giới	Thương binh 35%	3.132.000
526	Giang Xuân Tam	Thương binh 36%	3.217.000
527	Khổng Bằng Hùng	Thương binh 37%	3.304.000
528	Nguyễn Công Bình	Thương binh 40%	3.576.000
529	Lưu Văn Duệ	Thương binh 41%	3.667.000
530	Phạm Văn Quảng	Thương binh 41%	3.667.000
531	Đào Hữu Sơn	Thương binh 41%	3.667.000
532	Nguyễn Thanh Bình	Thương binh 41%	3.667.000
533	Phạm Ngọc Đức	Thương binh 41%	3.667.000
534	Đỗ Xuân Khanh	Thương binh 41%	3.667.000
535	Lưu Văn Thắm	Thương binh 41%	3.667.000
536	Nguyễn Văn Nhương	Thương binh 41%	3.667.000

537	Phạm Văn Hưng	Thương binh 41%	3.667.000
538	Nguyễn Đình Biên	Thương binh 41%	3.667.000
539	Đinh Xuân Mạnh	Thương binh 41%	3.667.000
540	Nguyễn Nguyên Tuất	Thương binh 41%	3.667.000
541	Nguyễn Công Thành	Thương binh 41%	3.667.000
542	Trần Văn Vang	Thương binh 41%	3.667.000
543	Bùi Quang Hưng	Thương binh 41%	3.667.000
544	Vũ Văn Quý	Thương binh 41%	3.667.000
545	Đào Ngọc Hởi	Thương binh 41%	3.667.000
546	Bùi Công Tỉnh	Thương binh 41%	3.667.000
547	Nguyễn Quốc Cường	Thương binh 41%	3.667.000
548	Nguyễn Thượng Hải	Thương binh 44%	3.934.000
549	Phạm Bá Thắng	Thương binh 45%	4.024.000
550	Nguyễn Quang Hồng	Thương binh 45%	4.024.000
551	Đào Viết Lập	Thương binh 45%	4.024.000
552	Lê Quyết Thắng	Thương binh 45%	4.024.000
553	Nguyễn Quang Bắc	Thương binh 46%	4.113.000
554	Trần Phương	Thương binh 51%	4.561.000
555	Lại Văn Hằng	Thương binh 51%	4.561.000
556	Trần Ngôn Sinh	Thương binh 51%	4.561.000
557	Bùi Xuân Đức	Thương binh 51%	4.561.000
558	Trần Thành Bin	Thương binh 55%	4.918.000
559	Nguyễn Văn Hậu	Thương binh 55%	4.918.000
560	Nguyễn Văn Phường	Thương binh 61%	5.450.000
561	Nguyễn Văn Đường	Thương binh 61%	5.450.000
562	Nguyễn Thế Tự	Thương binh 61%	5.450.000

563	Nguyễn Danh Bình	Thương binh 61%	5.450.000
564	Nguyễn Quang Long	Thương binh 61%	5.450.000
565	Bùi Thị Lan	Thương binh 61%	5.450.000
566	Nguyễn Đức Tằng	Thương binh 61%	5.450.000
567	Phan Công Lợi	Thương binh 61%	5.450.000
568	Lê Văn Cẩn	Thương binh 61%	5.450.000
569	Trịnh Khắc Triệu	Thương binh 61%	5.450.000
570	Tô Tất Thắng	Thương binh 61%	5.450.000
571	Đào Bá Đức	Thương binh 61%	5.450.000
572	Ngô Văn Xuân	Thương binh 62%	5.545.000
573	Đặng Thanh Cảnh	Thương binh 71%	6.343.000
574	Hồ Minh Hiệu	Thương binh 71%	6.343.000
575	Nguyễn Quang ứng	Thương binh 81%	11.428.000
576	Vũ Duy Tuynh	Thương binh 81%	11.428.000
577	Nguyễn Quốc Cường	Thương binh 81%	11.428.000
578	Phạm Văn Chín	Thương binh 21%	1.552.000
579	Trần Quang Tân	Thương binh 29%	2.137.000
580	Nguyễn Đức Vinh	Thương binh 81%	10.193.000
581	Hoàng Cao Quý	Bệnh binh 61%	4.622.000
582	Vũ Xuân Luận	Bệnh binh 61%	4.622.000
583	Đỗ văn Tuấn	Bệnh binh 61%	4.622.000
584	Phạm Ngọc Nhật	Quân nhân tham gia kháng chiến theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của TTCP	2.628.000
585	Mai Xuân Trung	Quân nhân tham gia kháng chiến theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của TTCP	2.628.000

586	Phạm Năng Hoạt	Quân nhân tham gia kháng chiến theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của TTCP	2.746.000
587	Nguyễn Mạnh Chuyển	Quân nhân tham gia kháng chiến theo Quyết định số	2.628.000
588	Phạm Viết Liên	CB, CS Công an ND tham gia kháng chiến hưởng chế độ theo	2.964.453
589	Nguyễn Đức Hiệp	CB, CS Công an ND tham gia kháng chiến hưởng chế độ theo	3.220.637
590	Nguyễn Văn Huệ	CB, CS Công an ND tham gia kháng chiến hưởng chế độ theo	2.964.453
591	Vũ Hồng Sang	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
592	Vũ Tế Hanh	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	2.789.000
593	Vũ Hồng Xuân	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
594	Phạm Thị Viên	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
595	Ngô Thị Đào	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
596	Trần Văn Phòng	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
597	Trần Thị Minh Hải	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
598	Trần Trọng Hưởng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
599	Nguyễn Văn Nhiên	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
600	Nguyên Vũ Hoàng	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
601	Nguyễn Minh Đức	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
602	Trần Văn Oong	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
603	Phạm Xuân Sinh	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
604	Trần Văn Vang	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
605	Nguyễn Nguyên Tuất	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
606	Hồ Minh Hiệu	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
607	Nguyễn Phượng Vỹ	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
608	Trần Doãn Hoà	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
609	Nguyễn Thế Đoan	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
610	Phạm Văn Quảng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000

611	Tạ Xuân Thái	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
612	Lương Ngọc Trọng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
613	Nguyễn Ngọc Thái	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
614	Phạm Doãn Hạnh	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
615	Phạm Trọng Hân	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
616	Đặng Thị Phin	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
617	Nguyễn Văn Đường	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
618	Đỗ Quý Thịnh	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
619	Mai Đình Chinh	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
620	Nguyễn Mạnh Hiền	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
621	Nguyễn Công Thế	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
622	Nguyễn Thị Yến	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
623	Phạm Xuân Phong	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
624	Phạm Đức Sâm	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
625	Phạm Phi Khanh	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
626	Vũ Văn Hiệp	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
627	Đào Hữu Sơn	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
628	Dương Đức Khá	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
629	Lê Quang Chừng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
630	Nguyễn Đức nghĩa	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 61% - 80%	4.964.000
631	Lại Văn Hằng	Người HĐKC bị địch bắt tù đày	1.673.000
632	Nguyễn Văn Phường	Người HĐKC bị địch bắt tù đày	1.673.000
633	Vũ Duy Tuynh	Người HĐKC bị địch bắt tù đày	1.673.000
634	Trần Phú Bình	Người HĐKC bị địch bắt tù đày	1.673.000
635	Tô Thị Bốn	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
636	Nguyễn Thị Nhâm	Tuất Liệt sĩ	2.789.000

637	Vũ Thị Tỉnh	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
638	Vũ Thị Lan	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
639	Trịnh Thị Hòa	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
640	Nguyễn Thị Toan	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
641	Lê Thị Ngận	Tuất Liệt sĩ tái giá	2.789.000
642	Nguyễn Thị Dung	Tuất Liệt sĩ tái giá	2.789.000
643	Nguyễn Thị Thìn	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
644	Phùng Thị Tư	Tuất Quân nhân	1.565.000
645	Phạm Thị Hồng	Tuất Quân nhân	1.565.000
646	Phạm Thị Ngân	Tuất Quân nhân	1.565.000
647	Dương Thị Hằng	Tuất Quân nhân	1.565.000
648	Ngô Thị Kim	Tuất Quân nhân	1.565.000
649	Đặng Thị Lượt	Tuất Chất độc hóa học	1.565.000
650	Nguyễn Thị Hòa	Tuất Chất độc hóa học	1.565.000
651	Phạm Thị Tẹo	Tuất Quân nhân	1.565.000
652	Bùi Thị Nhàn	Tuất Quân nhân	1.565.000
653	Đỗ Thị Thanh	Tuất Quân nhân	1.565.000
654	Trần Thị Vân	Tuất Quân nhân	1.565.000
655	Lê Thị Hiền	Tuất Chất độc hóa học	1.565.000
656	Nguyễn Thị Lan	Tuất Quân nhân	1.565.000
657	Nguyễn Thị Hiên	Tuất Chất độc hóa học	1.565.000
658	Nguyễn Thị Lê	Tuất bệnh binh	1.565.000
659	Phan Phúc	Cán bộ Tiền khởi nghĩa	2.884.000
660	Phạm Văn Nhương	Thương binh 21%	1.878.000
661	Lê Văn Khiêm	Thương binh 21%	1.878.000
662	Nguyễn Thế Quang	Thương binh 21%	1.878.000

663	Vũ Văn Sứ	Thương binh 21%	1.878.000
664	Đỗ Sỹ Ngọc	Thương binh 21%	1.878.000
665	Phạm Kim Hùng	Thương binh 21%	1.878.000
666	Đặng Ngọc Sơn	Thương binh 21%	1.878.000
667	Nguyễn Phi Trác	Thương binh 21%	1.878.000
668	Nguyễn Đức Hào	Thương binh 21%	1.878.000
669	Hoàng Văn Thao	Thương binh 21%	1.878.000
670	Đoàn Văn Chiên	Thương binh 21%	1.878.000
671	Trần Đình Bảo	Thương binh 21%	1.878.000
672	Hoàng Văn Cẩn	Thương binh 21%	1.878.000
673	Phạm Văn Chín	Thương binh 22%	1.969.000
674	Phạm Quang Long	Thương binh 22%	1.969.000
675	Nguyễn Mạnh Hùng	Thương binh 22%	1.969.000
676	Đỗ Cao Lanh	Thương binh 24%	2.144.000
677	Trần Văn Trường	Thương binh 24%	2.144.000
678	Đoàn Văn Tới	Thương binh 24%	2.144.000
679	Nguyễn Xuân Khu	Thương binh 25%	2.236.000
680	Bùi Tiến Dũng	Thương binh 25%	2.236.000
681	Trần Văn Lân	Thương binh 25%	2.236.000
682	Đinh Văn Hồng	Thương binh 26%	2.323.000
683	Trần Văn Đông	Thương binh 26%	2.323.000
684	Võ Văn Kháng	Thương binh 31%	2.770.000
685	Bùi Mạnh Hùng	Thương binh 31%	2.770.000
686	Cao Đình Huy	Thương binh 31%	2.770.000
687	Vũ Việt Hùng	Thương binh 31%	2.770.000
688	Trần Hồng Trường	Thương binh 32%	2.862.000

689	Nguyễn Sơn Ngọc	Thương binh 33%	2.950.000
690	Nguyễn Mạnh Cường	Thương binh 35%	3.132.000
691	Đoàn Như Trường	Thương binh 35%	3.132.000
692	Vũ Văn Tuấn	Thương binh 36%	3.217.000
693	Đỗ Quốc Chủng	Thương binh 37%	3.304.000
694	Quách Đức Ninh	Thương binh 37%	3.304.000
695	Nguyễn Văn Lộc	Thương binh 41%	3.667.000
696	Vũ Đức Trọng	Thương binh 41%	3.667.000
697	Nguyễn Gia Thắng	Thương binh 41%	3.667.000
698	Vũ Xuân Lựu	Thương binh 41%	3.667.000
699	Đỗ Thế Điệp	Thương binh 41%	3.667.000
700	Phạm Văn Dần	Thương binh 41%	3.667.000
701	Phạm Quang Triệu	Thương binh 41%	3.667.000
702	Trần Thị My	Thương binh 41%	3.667.000
703	Phạm Văn Qúy	Thương binh 41%	3.667.000
704	Đặng Quang Thành	Thương binh 41%	3.667.000
705	Hoàng Đức Nam	Thương binh 41%	3.667.000
706	Đoàn Văn Gấm	Thương binh 41%	3.667.000
707	Nguyễn Bá Thiệu	Thương binh 42%	3.753.000
708	Bùi Văn Đáng	Thương binh 45%	4.024.000
709	Ngô Văn Thuyết	Thương binh 45%	4.024.000
710	Đặng Văn Khoái	Thương binh 51%	4.561.000
711	Bùi Xuân Đào	Thương binh 51%	4.561.000
712	Vũ Trọng Khanh	Thương binh 61%	5.450.000
713	Vũ Văn Hòa	Thương binh 61%	5.450.000
714	Phạm Văn Thiện	Thương binh 61%	5.450.000

715	Vũ Quang Trung	Thương binh 61%	5.450.000
716	Hoàng Thế Trung	Thương binh 67%	5.990.000
717	Nguyễn Nhật Tân	Thương binh 71%	6.343.000
718	Nguyễn Văn Trùy	Thương binh 81%	11.428.000
719	Trần Văn Thắng	Thương binh 21%	1.552.000
720	Phạm Văn Khiên	Thương binh 51%	3.741.000
721	Cao Đình Huy	Bệnh binh 61%	4.622.000
722	Đoàn Ngọc Tân	Bệnh binh 61%	4.622.000
723	Đinh Trọng Trân	Bệnh binh 61%	4.622.000
724	Nguyễn Mạnh Hài	Bệnh binh 61%	4.622.000
725	Đỗ Nhật Thành	Bệnh binh 41%	2.911.000
726	Ngô Tiến Đạt	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	2.789.000
727	Ngô Văn Định	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 61% - 80%	4.964.000
728	Đỗ Thị Loan	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
729	Trần Văn Đông	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
730	Hoàng Đức Nam	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
731	Trần Hữu Đoàn	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	2.789.000
732	Phùng Văn Chiết	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
733	Nguyễn Văn Giang	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
734	Tô Ngọc Thạch	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
735	Bùi Xuân Đào	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
736	Đỗ Quang Chiến	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
737	Đỗ Thị Thanh Hiếu	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
738	Nguyễn Văn Lộc	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
739	Nguyễn Văn Lâm	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
740	Dương Văn Tú	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000

741	Nguyễn Thị Minh Thùy	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
742	Nguyễn Thành Kiên	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
743	Nguyễn Mạnh Hài	Người HĐKC bị địch bắt tù đày	1.673.000
744	Hoàng Thị Xuân	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
745	Bùi Thị Thọ	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
746	Vũ Thị Hải	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
747	Vũ Thị Phán	Tuất Liệt sĩ tái giá	2.789.000
748	Nguyễn Thị Lý	Tuất Lão thành cách mạng	2.789.000
749	Nguyễn Thi Hữu	Tuất Lão thành cách mạng	2.789.000
750	Vũ Thị Nâng	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
751	Đào Thị Được	Tuất Tiền khởi nghĩa	1.565.000
752	Nguyễn Thị Lợi	Tuất Quân nhân	1.565.000
753	Tạ Thị Nhàn	Tuất Quân nhân	1.565.000
754	Vũ Thị Yên	Tuất Quân nhân	1.565.000
755	Đặng Thị Hải	Tuất Quân nhân	1.565.000
756	Nguyễn Mạnh Hưng	Tuất Quân nhân	1.565.000
757	Nguyễn Thị Trà	Tuất Quân nhân	1.565.000
758	Vũ Thị Thảo	Tuất Quân nhân	1.565.000
759	Lê Thị Vui	Tuất Chất độc hóa học	1.565.000
760	Nguyễn Thị Nam An	Tuất Thương bệnh binh	1.565.000
761	Nguyễn Thị Dân	Tuất Thương bệnh binh	1.565.000
762	Đoàn Văn Phúc	Thương binh 21%	1.878.000
763	Nguyễn Ngọc Đức	Thương binh 21%	1.878.000
764	Lê Văn Tỵ	Thương binh 21%	1.878.000
765	Nguyễn Ngọc Dũng	Thương binh 21%	1.878.000
766	Phan xuân Tùng	Thương binh 21%	1.878.000

767	Nguyễn Đức Mão	Thương binh 21%	1.878.000
768	Phạm Tuấn Thanh	Thương binh 21%	1.878.000
769	Nguyễn Anh Dũng	Thương binh 21%	1.878.000
770	Bùi Văn Công	Thương binh 21%	1.878.000
771	Vương Quốc Chương	Thương binh 21%	1.878.000
772	Lương Thị Oanh	Thương binh 21%	1.878.000
773	Nguyễn Văn Bình	Thương binh 21%	1.878.000
774	Nguyễn Khắc Thịnh	Thương binh 21%	1.878.000
775	Trần Văn Bạo	Thương binh 21%	1.878.000
776	Nguyễn Văn Sướng	Thương binh 22%	1.969.000
777	Lê Thanh Tuấn	Thương binh 23%	2.053.000
778	Nguyễn Văn Bình	Thương binh 23%	2.053.000
779	Dương Thị My	Thương binh 24%	2.144.000
780	Nguyễn Vinh Quang	Thương binh 25%	2.236.000
781	Hoàng Văn Thiềng	Thương binh 25%	2.236.000
782	Lê Thanh Rực	Thương binh 25%	2.236.000
783	Phạm Văn Toàn	Thương binh 25%	2.236.000
784	Nguyễn Văn Long	Thương binh 25%	2.236.000
785	Dương Đình Lâm	Thương binh 25%	2.236.000
786	Hoàng Kim Bảng	Thương binh 25%	2.236.000
787	Hoàng Đức Long	Thương binh 25%	2.236.000
788	Nguyễn Văn Hải	Thương binh 25%	2.236.000
789	Nguyễn Văn Bình	Thương binh 25%	2.236.000
790	Phạm Xuân Minh	Thương binh 25%	2.236.000
791	Đào Văn Thịnh	Thương binh 25%	2.236.000
792	Đoàn Thị Thạo	Thương binh 26%	2.323.000

793	Lê Thị Rơi	Thương binh 26%	2.323.000
794	Phạm Hữu Thực	Thương binh 31%	2.770.000
795	Nguyễn Văn Tiến	Thương binh 31%	2.770.000
796	Trần Đức Thọ	Thương binh 31%	2.770.000
797	Trần Ngọc Quý	Thương binh 31%	2.770.000
798	Vũ Tuấn Sơn	Thương binh 31%	2.770.000
799	Nguyễn Văn Chương	Thương binh 31%	2.770.000
800	Đặng Thanh Tùng	Thương binh 31%	2.770.000
801	Vũ Quang Hưng	Thương binh 31%	2.770.000
802	Nguyễn Văn Tuyên	Thương binh 32%	2.862.000
803	Nguyễn Văn Hùng	Thương binh 35%	3.132.000
804	Lê Mạnh Thắng	Thương binh 35%	3.132.000
805	Ngô Xuân Phú	Thương binh 36%	3.217.000
806	Bùi Đăng Ngừng	Thương binh 36%	3.217.000
807	Nguyễn Đức Đỉnh	Thương binh 38%	3.399.000
808	Lê Văn Chiến	Thương binh 39%	3.489.000
809	Hoàng Văn Bình	Thương binh 39%	3.489.000
810	Nguyễn Cát Thành	Thương binh 41%	3.667.000
811	Bùi Đức Vượng	Thương binh 41%	3.667.000
812	Nguyễn Văn Mạnh	Thương binh 41%	3.667.000
813	Đỗ Đức Phòng	Thương binh 41%	3.667.000
814	Phạm Chí Võ	Thương binh 41%	3.667.000
815	Nguyễn Hoài Nam	Thương binh 41%	3.667.000
816	Lương Thị Cư	Thương binh 41%	3.667.000
817	Nguyễn Đức Dũng	Thương binh 41%	3.667.000
818	Đặng Đức Bình	Thương binh 41%	3.667.000

819	Trịnh Quang Sử	Thương binh 41%	3.667.000
820	Đỗ Hồng Tâm	Thương binh 42%	3.753.000
821	Dương Văn Thanh	Thương binh 45%	4.024.000
822	Tô Quang Quất	Thương binh 45%	4.024.000
823	Đinh Văn Hùng	Thương binh 45%	4.024.000
824	Nguyễn Đình Luynh	Thương binh 49%	4.382.000
825	Nguyễn Đình Bách	Thương binh 51%	4.561.000
826	Trịnh Trọng Đích	Thương binh 51%	4.561.000
827	Đoàn Văn Trè	Thương binh 51%	4.561.000
828	Lê Duy Chanh	Thương binh 55%	4.918.000
829	Đinh Duy Sơn	Thương binh 61%	5.450.000
830	Phạm Tuấn Việt	Thương binh 61%	5.450.000
831	Nguyễn Công Dũng	Thương binh 61%	5.450.000
832	Lê Bình Dương	Thương binh 61%	5.450.000
833	Nguyễn Đình Chung	Thương binh 61%	5.450.000
834	Nguyễn Hữu Hảo	Thương binh 61%	5.450.000
835	Đào Ngọc Quang	Thương binh 61%	5.450.000
836	Đoàn Ngọc Hùng	Thương binh 61%	5.450.000
837	Nguyễn Hồng Thái	Thương binh 61%	5.450.000
838	Đoàn Văn Nhượng	Thương binh 61%	5.450.000
839	Nguyễn Văn Thắng	Thương binh 61%	5.450.000
840	Nguyễn Năng Định	Thương binh 62%	5.545.000
841	Nguyễn Viết Vinh	Thương binh 71%	6.343.000
842	Nguyễn Đức Thức	Thương binh 81%	11.428.000

843	Bùi Dũng Phước	Thương binh 81%	11.428.000
844	Hoàng Rãnh	Thương binh 85%	11.789.000
845	Hoàng Văn Huy	Thương binh B 41%	3.015.000
846	Nguyễn Vĩnh Đại	Thương binh 21%	1.552.000
847	Đặng Quang Kiền	Thương binh 21%	1.552.000
848	Hoàng Thuỳ Dương	Thương binh 35%	2.577.000
849	Bùi Quang Lợi	Thương binh B 25%	1.848.000
850	Bùi Văn Lực	Thương binh 65%	4.835.000
851	Vũ Quang Hưng	Bệnh binh 61%	4.622.000
852	Phạm Văn Quỳnh	Bệnh binh 61%	4.622.000
853	Nguyễn Ngọc Vinh	Bệnh binh 61%	4.622.000
854	Trần Trịnh Phúc	Bệnh binh 61%	4.622.000
855	Đoàn Văn Nhượng	Bệnh binh 71%	5.329.000
856	Phan Xuân Tùng	Quân nhân tham gia kháng chiến theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của TTCP	2.628.000
857	Thái Văn Minh	Quân nhân tham gia kháng chiến theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của TTCP	2.628.000
858	Nguyễn Văn Lệnh	Quân nhân tham gia kháng chiến theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của TTCP	2.988.000
859	Phạm Văn Thư	Quân nhân tham gia kháng chiến theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của TTCP	2.988.000
860	Nguyễn Huy Chiến	CB, CS Công an ND tham gia kháng chiến hưởng chế độ theo QĐ số 53/2010/QĐ-TTg ngày	2.964.453
861	Trần T Như Quỳnh	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
862	Trần Thị Nga	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000

863	Bùi Đăng Ngừng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
864	Trần Ngọc Quý	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
865	Hoàng Rãnh	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
866	Hoàng Đặng Sơn	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
867	Dương Văn Thanh	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 61% - 80%	4.964.000
868	Hoàng Văn Bình	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
869	Vũ Ngọc Phiên	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000
870	Nguyễn Đức Đỉnh	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
871	Nguyễn Đức Đại	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
872	Hoàng Phú Vừng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
873	Nguyễn Thị Hương	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
874	Trần Thị Thu Trang	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
875	Phan Xuân Tùng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
876	Phan Xuân Lâm	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
877	Đoàn Thị Phương	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
878	Đoàn Văn Nhượng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
879	Nguyễn Văn Tuyên	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
880	Nguyễn Phương Loan	Con đẻ người HĐKC bị nhiễm CĐHH	1.673.000
881	Bùi Dũng Phước	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
882	Nguyễn Đức Mão	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
883	Đoàn Ngọc Hùng	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
884	Hoàng Thị Thuý	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 21-40%	2.120.000

885	Nguyễn Hữu Hảo	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
886	Lê Quốc Thiện	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH 41% -60%	3.542.000
887	Tô Quang Toàn	Người HĐKC bị địch bắt tù đày	1.673.000
888	Trần Bá Thuận	Người HĐKC bị địch bắt tù đày	1.673.000
889	Phạm Đình Lư	Người HĐKC bị địch bắt tù đày	1.673.000
890	Dương Thị Huệ	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
891	Vũ Thị Vi	Tuất Liệt sĩ tái giá	2.789.000
892	Nguyễn Thị Bạch Mai	Tuất Liệt sĩ tái giá	2.789.000
893	Trần Thị Chi	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
894	Đỗ Thị Hảo	Tuất Liệt sĩ tái giá	2.789.000
895	Nguyễn Thị Quốc Hải	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
896	Đinh Thị Thu Hồng	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
897	Đinh Thị Thanh Hương	Tuất Liệt sĩ tái giá	2.789.000
898	Nguyễn Thị Ngoan	Tuất Liệt sĩ tái giá	2.789.000
899	Vũ Thị Ái	Tuất Liệt sĩ tái giá	2.789.000
900	Nguyễn Huy Chiến	Tuất Liệt sĩ	2.789.000
901	Phạm Minh Huệ	Tuất Lão thành cách mạng	2.789.000
902	Bùi Thị Quốc Phòng	Tuất Lão thành cách mạng	2.789.000
903	Dương Thị Thuý	Tuất Chất độc hóa học	1.565.000
904	Lương Thị Yến Thanh	Tuất Quân nhân	1.565.000
905	Hà Trần Hạnh	Tuất Tiền khởi nghĩa	1.565.000
906	Nguyễn Thị Thư	Tuất Tiền khởi nghĩa	1.565.000

907	Phạm Thị Thanh Thuỷ	Tuất Chất độc hóa học	1.565.000
908	Hoàng Thị Nhã	Tuất Quân nhân	1.565.000
909	Hứa Mạnh Hùng	Tuất Quân nhân	1.565.000
910	Lê Duy Khánh	Tuất Quân nhân	1.565.000
911	Phùng Thị Hà	Tuất Quân nhân	1.565.000
	Tổng cộng		**2.762.805.705**

Tổng số tiền bằng chữ: Hai tỷ bảy trăm sáu mươi hai triệu tám trăm lẻ lăm nghìn bảy trăm lẻ là

vị tính: Đồng)

Đổi TK về bà Tách từ T4-2026

K ỦY QUYỀN NỮA

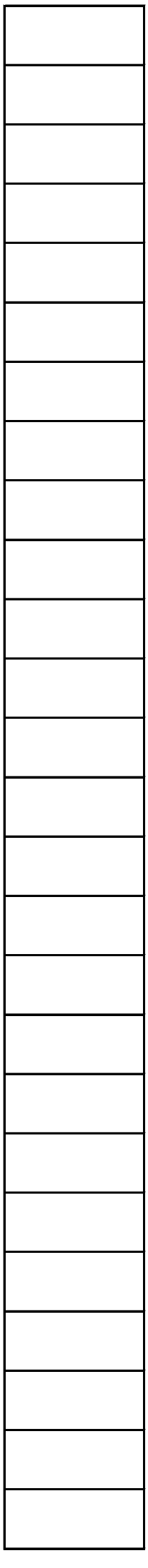

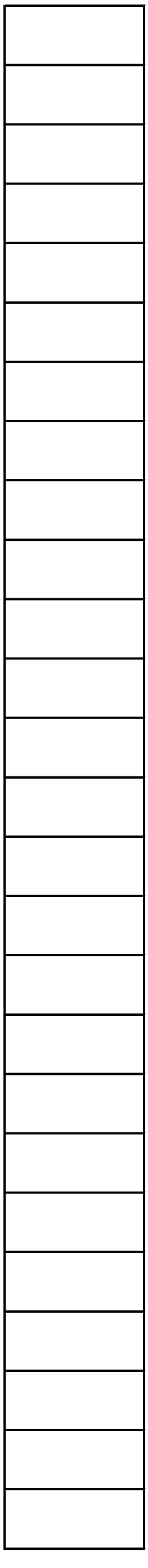

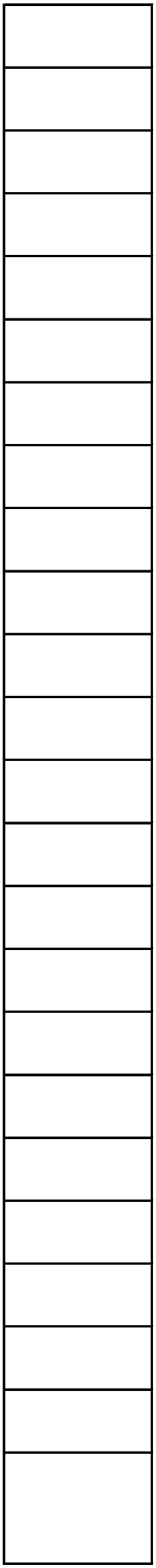

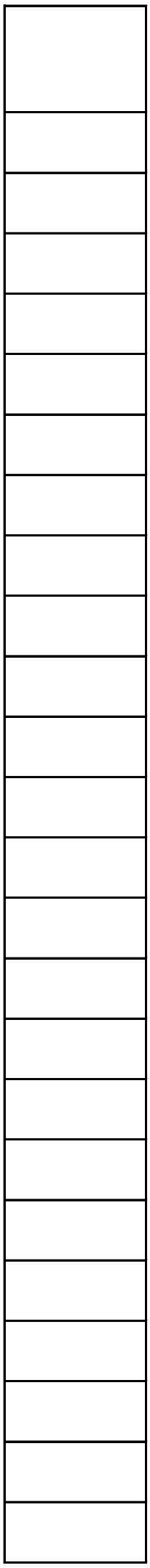

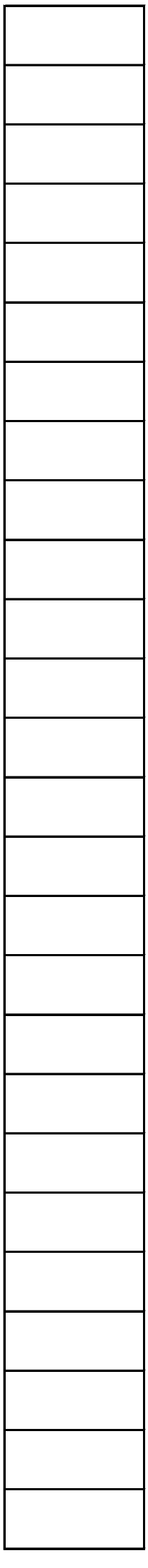











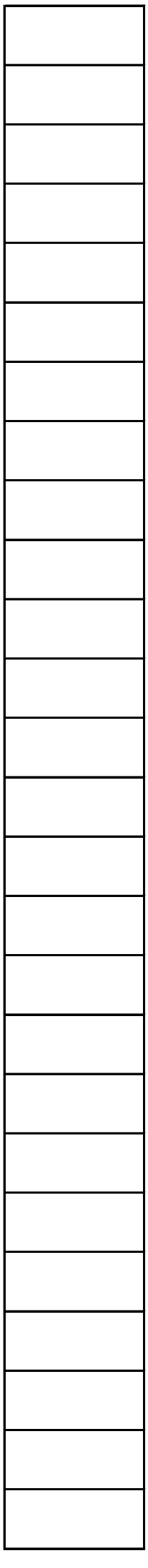

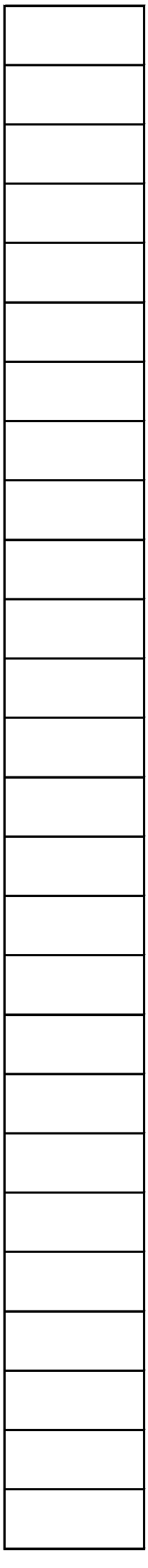

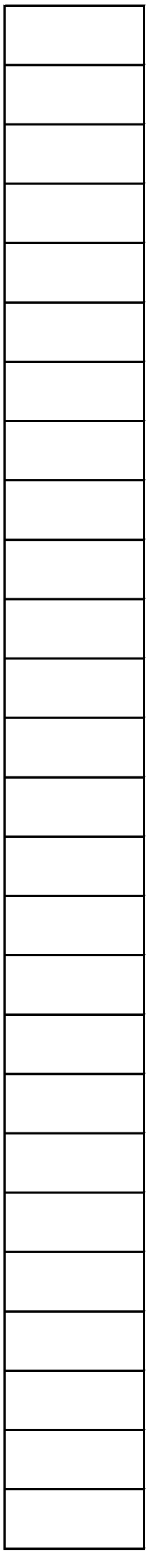

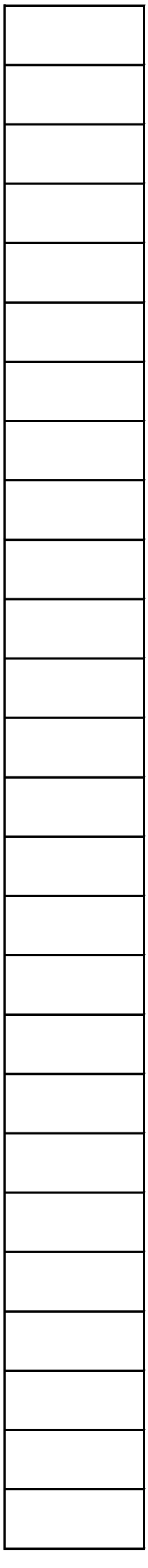

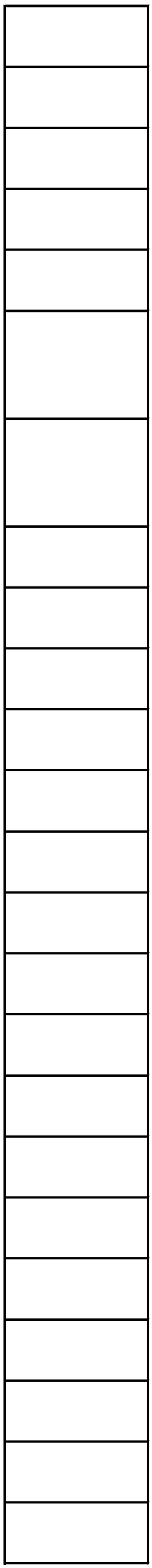

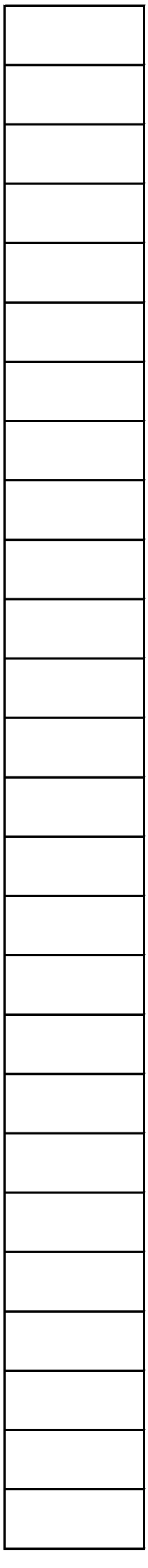

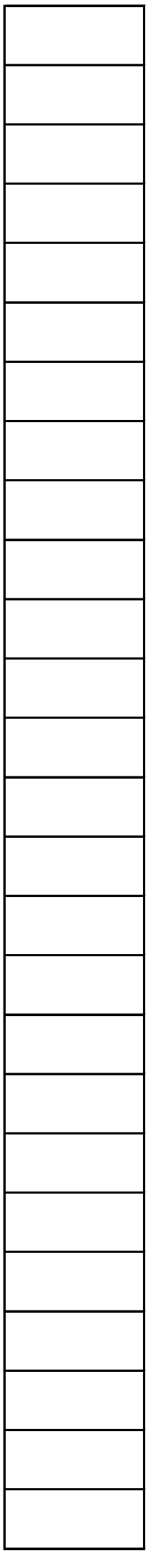

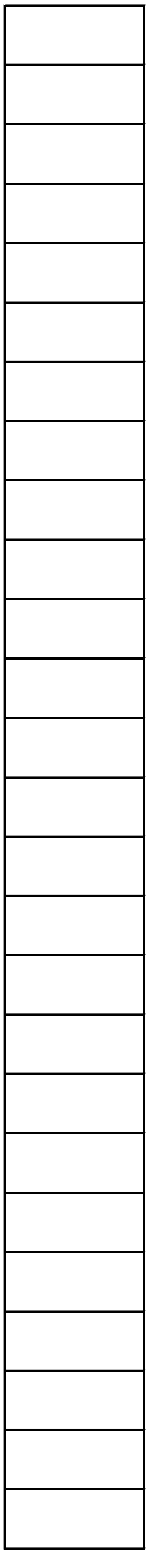

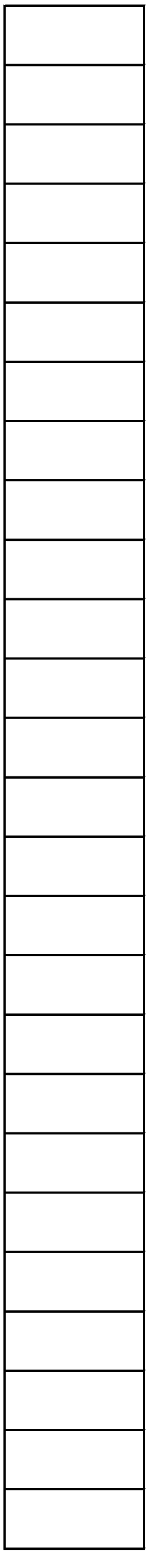

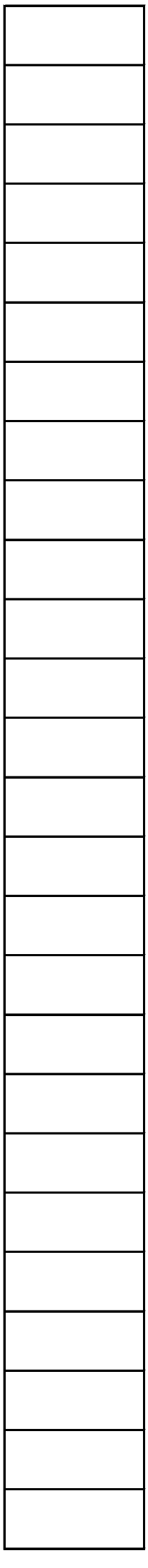

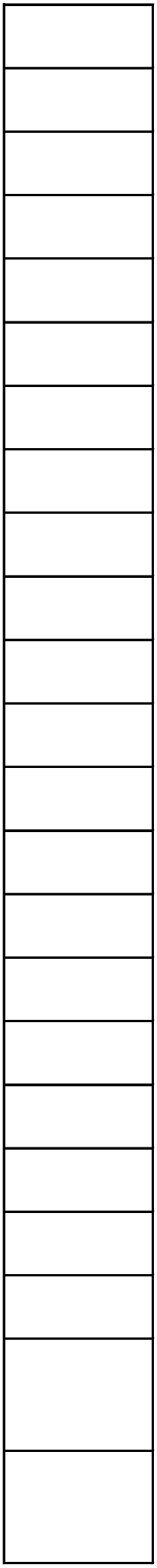

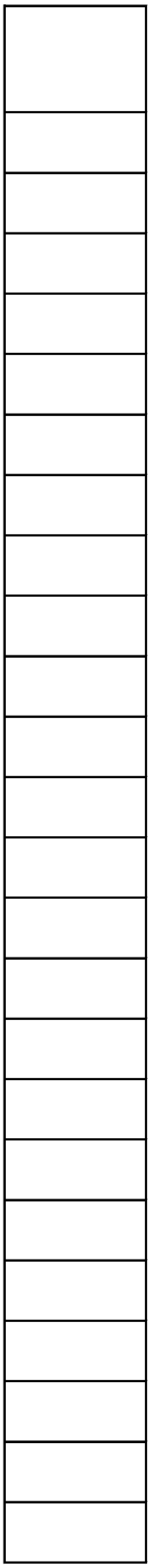

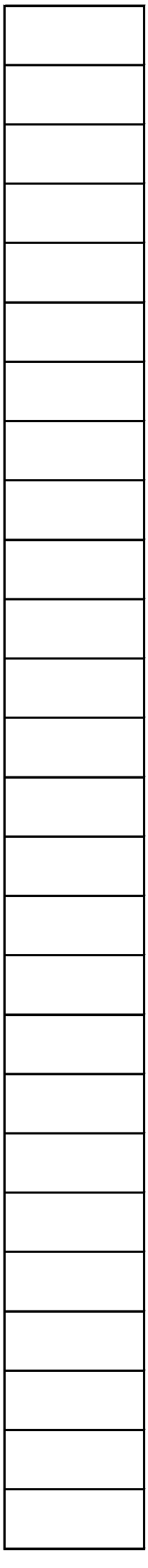

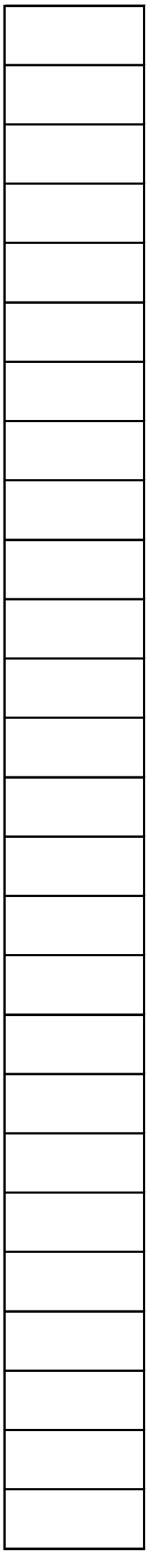

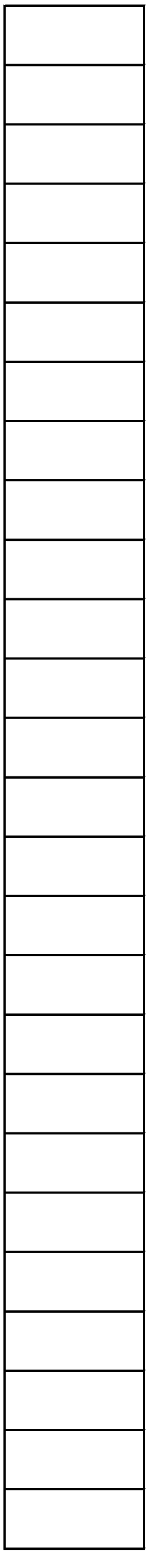

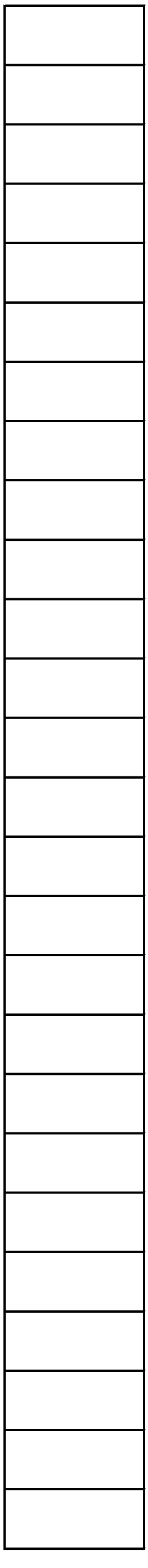

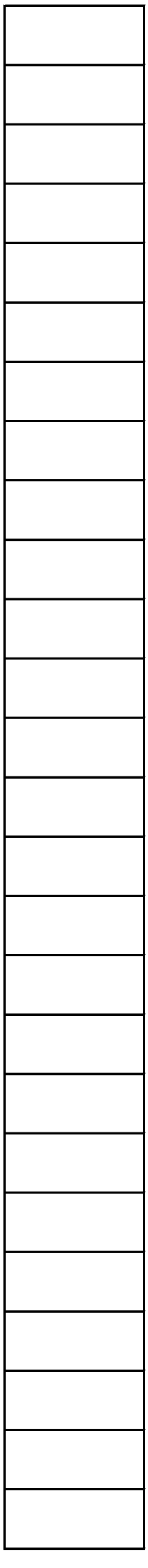

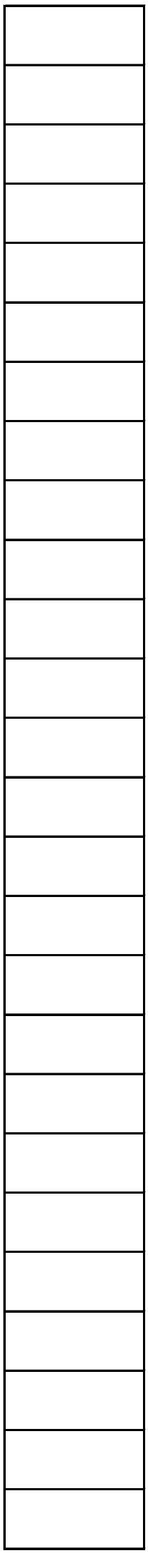

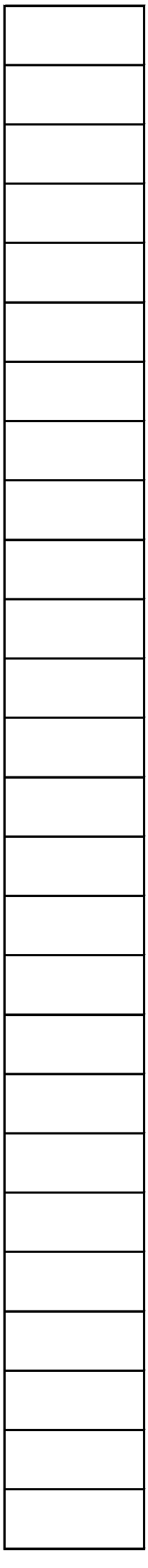

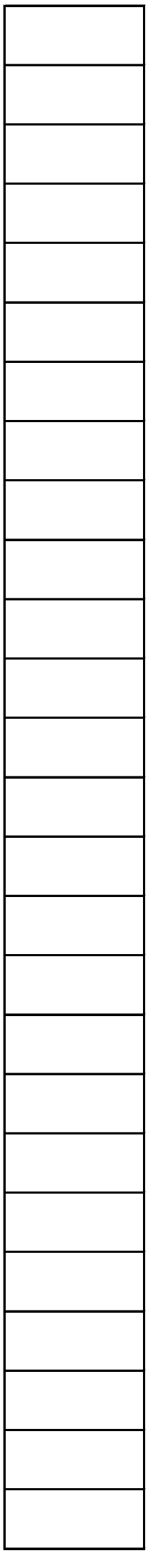



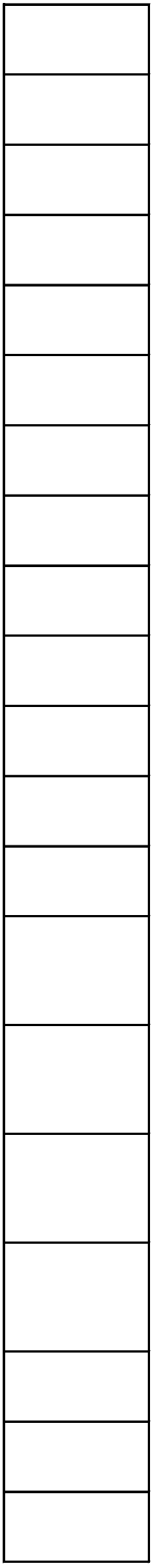

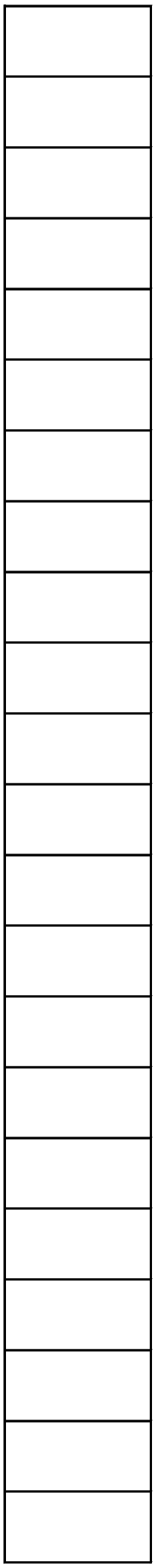

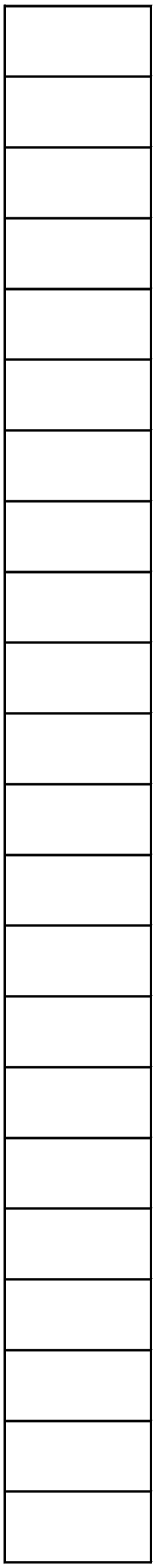

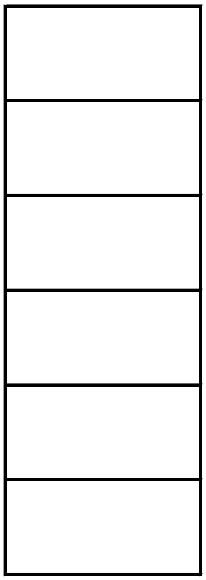

ĭm đồng./.